

Số: 33/2023/QĐ-UBND

Bắc Kạn, ngày 18 tháng 12 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành quy định một số nội dung về quản lý, khai thác, vận hành
và bảo vệ công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC KẠN

*Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

Căn cứ Luật Thủy lợi ngày 19 tháng 6 năm 2017;

*Căn cứ Nghị định số 129/2017/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2017 của Chính
phủ quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi;*

*Căn cứ Nghị định số 67/2018/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2018 của Chính
phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Thủy lợi;*

*Căn cứ Nghị định số 77/2018/NĐ-CP ngày 16 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ
quy định hỗ trợ phát triển thủy lợi nhỏ, thủy lợi nội đồng và tưới tiên tiến, tiết kiệm nước;*

*Căn cứ Nghị định số 114/2018/NĐ-CP ngày 04 tháng 9 năm 2018 của
Chính phủ về quản lý an toàn đập, hồ chứa nước;*

*Căn cứ Nghị định số 40/2023/NĐ-CP ngày 27 tháng 6 năm 2023 của Chính
phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 67/2018/NĐ-CP ngày 14 tháng
5 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Thủy lợi;*

*Căn cứ Thông tư số 05/2018/TT-BNNPTNT ngày 15 tháng 5 năm 2018 của
Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định chi tiết một số điều
của Luật Thủy lợi;*

*Căn cứ Thông tư số 03/2022/TT-BNNPTNT ngày 16 tháng 6 năm 2022 của Bộ
trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về sửa đổi, bổ sung một số điều của
Thông tư số 05/2018/TT-BNNPTNT ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Nông
nghiệp và Phát triển nông thôn quy định chi tiết một số điều của Luật Thủy lợi;*

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này quy định một số nội dung về quản lý, khai thác, vận hành và bảo vệ công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn.

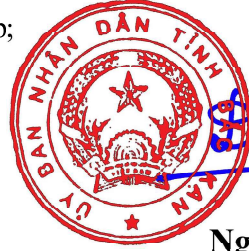
Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày 28 tháng 12 năm 2023.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các Sở: Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư, Tài nguyên và Môi trường; Giám đốc Công ty trách nhiệm hữu hạn Một thành viên quản lý, khai thác công trình thủy lợi Bắc Kạn; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn; các tổ chức, cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Vụ Pháp chế - Bộ NNPTNT;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL-Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Ủy ban MTTQVN tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- LĐVP UBND tỉnh;
- Trung tâm CB-TH;
- Công ty TNHH MTV quản lý khai thác công trình thủy lợi Bắc Kạn;
- Lưu: VT, NNTNMT, NCPC (H).

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Đăng Bình

QUY ĐỊNH

**Một số nội dung về quản lý, khai thác, vận hành và bảo vệ
công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn**
(Kèm theo Quyết định số: 33/2023/QĐ-UBND ngày 18/12/2023
của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Kạn)

Chương I**QUY ĐỊNH CHUNG****Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng****1. Phạm vi điều chỉnh**

a) Quyết định này quy định về phân cấp quản lý công trình thủy lợi; phê duyệt, công bố công khai quy trình vận hành công trình thủy lợi; phê duyệt phương án bảo vệ công trình thủy lợi đối với các công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn được đầu tư bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước hoặc có nguồn gốc từ ngân sách nhà nước.

b) Đối với các công trình thủy lợi do tổ chức, cá nhân tự đầu tư xây dựng thì tổ chức, cá nhân đó có trách nhiệm quản lý, khai thác theo quy định của pháp luật, đảm bảo an toàn, sử dụng có hiệu quả.

2. Đối tượng áp dụng

Quy định này áp dụng đối với cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến hoạt động quản lý, khai thác công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

1. “*Công trình thủy lợi*” là công trình hạ tầng kỹ thuật thủy lợi bao gồm đập, hồ chứa nước, cống, trạm bơm, hệ thống dẫn, chuyển nước, kè, bờ bao thủy lợi và công trình khác phục vụ quản lý, khai thác thủy lợi.

2. “*Công trình thủy lợi liên xã*” là công trình thủy lợi có liên quan hoặc phục vụ tưới, tiêu, cấp nước cho tổ chức, cá nhân hưởng lợi thuộc từ 2 xã, phường hoặc thị trấn trở lên (sau đây gọi tắt là liên xã).

3. “*Tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi*” (bao gồm cả đất gắn với công trình thủy lợi) do Nhà nước đầu tư, quản lý là tài sản công bao gồm: Đập (đập thủy lợi và các công trình phụ trợ gắn liền với đập thủy lợi), hồ chứa nước (gồm đập tạo hồ, tràn, cống, lòng hồ, cống lấy nước, cống xả đáy...), cống, trạm bơm, hệ thống dẫn, chuyển nước, kè, bờ bao thủy lợi và công trình phụ trợ phục vụ quản lý, khai thác thủy lợi (Nhà, trạm, đường quản lý, thiết bị quan trắc, kho, bãi vật tư, cột mốc chỉ giới, biển báo).

Điều 3. Nguyên tắc phân cấp quản lý công trình thủy lợi

1. Quản lý thống nhất theo hệ thống công trình thủy lợi từ đầu mối đến nội đồng, phù hợp với hiện trạng năng lực quản lý, khai thác của các tổ chức quản lý, khai thác công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh và phù hợp với mục tiêu, nhiệm vụ của hệ thống, đáp ứng yêu cầu về chất lượng nước phục vụ sản xuất, dân sinh và các ngành kinh tế.

2. Căn cứ vào quy mô, kỹ thuật quản lý, vận hành của công trình, yêu cầu về năng lực của tổ chức, cá nhân khai thác công trình thủy lợi để phân cấp quản lý công trình đảm bảo theo quy định, phù hợp với thực tế địa phương, thuận lợi cho đơn vị khai thác công trình.

3. Việc phân cấp quản lý công trình thủy lợi phải phù hợp với quy định của pháp luật về quản lý tài sản công và các quy định pháp luật có liên quan.

Chương II QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Điều 4. Phân cấp quản lý công trình thủy lợi

1. Ủy ban nhân dân tỉnh quản lý các công trình thủy lợi sau:

a) Các công trình hồ chứa nước trên địa bàn tỉnh, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này.

b) Các công trình đập dâng, kênh dẫn có diện tích tưới từ 15ha trở lên hoặc công trình có kỹ thuật quản lý, vận hành phức tạp, các công trình liên xã.

c) Các trạm bơm điện, trạm bơm dầu, trạm bơm thủy luân có diện tích tưới từ 15ha trở lên hoặc phục vụ tưới trong phạm vi liên xã.

2. Ủy ban nhân dân cấp huyện quản lý các công trình thủy lợi sau:

a) Các hồ chứa nước nhỏ nằm trong đô thị (thị trấn) hoặc các hồ chứa nước nhỏ khác được Ủy ban nhân dân tỉnh giao quản lý phù hợp với điều kiện năng lực của các đơn vị khai thác công trình và điều kiện thực tế tại địa phương.

b) Các công trình đập dâng, kênh dẫn, trạm bơm điện, trạm bơm dầu, bơm thủy luân trên địa bàn không thuộc quy định tại khoản 1 Điều này.

Điều 5. Thẩm quyền phê duyệt công bố công khai quy trình vận hành công trình thủy lợi và phê duyệt phương án bảo vệ công trình thủy lợi

1. Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt, công bố công khai quy trình vận hành công trình thủy lợi và phê duyệt phương án bảo vệ công trình thủy lợi đối với các công trình do Ủy ban nhân dân tỉnh quản lý trừ công trình thủy lợi quy định tại khoản 3 Điều này.

2. Ủy ban nhân dân cấp huyện phê duyệt, công bố công khai quy trình vận hành công trình thủy lợi và phê duyệt phương án bảo vệ công trình thủy lợi đối với các công trình thủy lợi được phân cấp quản lý, trừ công trình thủy lợi quy định

tại khoản 3 Điều này.

3. Đối với các công trình thủy lợi nhỏ, tổ chức, cá nhân trực tiếp khai thác lập quy trình vận hành, công bố công khai và quyết định phương án bảo vệ công trình thủy lợi.

Chương III TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 6. Trách nhiệm của các đơn vị, địa phương

1. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

a) Thực hiện quyền, trách nhiệm của chủ quản lý công trình thủy lợi được giao quản lý theo quy định của Luật Thủy lợi và các quy định khác có liên quan.

b) Phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp huyện chỉ đạo, hướng dẫn thành lập, củng cố, kiện toàn các tổ chức thủy lợi cơ sở theo quy định.

c) Tổ chức hướng dẫn, tập huấn nâng cao năng lực cho các tổ chức, cá nhân làm nhiệm vụ quản lý, khai thác công trình thủy lợi trên địa bàn toàn tỉnh.

d) Hàng năm xây dựng kế hoạch kiểm tra công tác quản lý, khai thác công trình thủy lợi trên địa bàn toàn tỉnh.

đ) Tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành danh mục các công trình thủy lợi do Ủy ban nhân dân tỉnh và các địa phương quản lý theo quy định tại Điều 4 Quy định này.

2. Sở Tài chính

a) Chủ trì, hướng dẫn chủ quản lý công trình thực hiện chế độ kế toán, chế độ quản lý, tính hao mòn tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi.

b) Thực hiện các nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật.

3. Sở Tài nguyên và Môi trường

a) Chủ trì hướng dẫn các đơn vị quản lý, vận hành, khai thác công trình thủy lợi lập hồ sơ đăng ký hoặc hồ sơ đề nghị cấp giấy phép khai thác, sử dụng tài nguyên nước đối với các công trình thủy lợi phải đăng ký hoặc phải có giấy phép khai thác, sử dụng tài nguyên nước theo quy định pháp luật.

b) Thực hiện các nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật.

4. Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố

a) Chỉ đạo, hướng dẫn Ủy ban nhân dân các xã tổ chức thực hiện thành lập, củng cố, kiện toàn phát triển các tổ chức thủy lợi cơ sở đảm bảo theo quy định.

b) Chỉ đạo, đôn đốc thực hiện công tác lựa chọn, ký kết hợp đồng đặt hàng cung cấp sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi với các tổ chức, cá nhân có năng lực đảm bảo theo quy định; giám sát, nghiệm thu việc cung cấp và sử dụng sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi.

c) Định kỳ hằng năm, tổng hợp tình hình quản lý, sử dụng tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi trên địa bàn gửi về Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh và Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn theo quy định.

d) Giao Phòng chuyên môn thực hiện quyền, trách nhiệm của chủ quản lý công trình thủy lợi được giao quản lý theo quy định của Luật Thủy lợi và các quy định khác có liên quan.

đ) Thực hiện các nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật.

e) Thường xuyên rà soát danh mục các công trình đầu tư xây dựng mới trên địa bàn; đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh giao quản lý theo quy định.

5. Các tổ chức, cá nhân khai thác công trình thủy lợi

a) Thực hiện quyền và trách nhiệm của tổ chức khai thác công trình thủy lợi theo quy định của Luật Thủy lợi và các quy định khác có liên quan.

b) Định kỳ báo cáo hoặc báo cáo đột xuất khi có sự thay đổi về hiện trạng công trình và tình hình quản lý, khai thác công trình thủy lợi về Ủy ban nhân dân cấp xã, Ủy ban nhân dân cấp huyện hoặc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn theo phân cấp quản lý.

6. Các Sở, ban, ngành, đơn vị khác theo chức năng nhiệm vụ thực hiện các nội dung liên quan đến việc quản lý, khai thác công trình thủy lợi đảm bảo theo quy định.

Điều 7. Điều khoản thi hành

1. Lộ trình thực hiện

a) Năm 2024 thực hiện các nội dung để chuẩn bị cho công tác quản lý, khai thác theo quy định tại Quyết định này như: Rà soát công trình để phục vụ công tác bàn giao hồ sơ công trình, xây dựng định mức kinh tế kỹ thuật trong quản lý, khai thác công trình thủy lợi, thống nhất mô hình quản lý chung đối với các tổ chức thủy lợi cơ sở và triển khai thực hiện các nội dung liên quan khác.

b) Từ năm 2025 trở đi việc quản lý, khai thác công trình thủy lợi thực hiện theo quy định tại Quy định này.

2. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì, phối hợp với các Sở, ban, ngành có liên quan, Ủy ban nhân dân cấp huyện, tổ chức triển khai, hướng dẫn, theo dõi, kiểm tra việc thực hiện Quy định này.

3. Trong quá trình thực hiện nếu có khó khăn, vướng mắc các Sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân cấp huyện và các đơn vị liên quan kịp thời phản ánh về Ủy ban nhân dân tỉnh để xem xét điều chỉnh, bổ sung cho phù hợp./.